

Bản án số: **152/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 13-7-2017

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng

2. Bà Nguyễn Thị Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Nhà Máy B, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Quách Long T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Minh Hà B, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-4-2017 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Quách Long T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi dẫn đến ly thân từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay. Nay chị K giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Quách Thiên T (nam), sinh ngày 19-9-2004, hiện đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị K xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 22-5-2017, bị đơn anh Quách Long T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị K xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn vào khoảng tháng 02, tháng 3 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như nguyên đơn trình bày và gia đình thân tộc có hòa giải, hàn gắn hai lần nhưng không thể đoàn tụ, anh chị ly thân khoảng tháng 3 năm 2017 đến nay. Nay anh yêu cầu được đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung: Có 01 người con là Quách Thiên T, hiện đang sống với anh T. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi con; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Anh T thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ngày 22-5-2017 ghi nhận ý chí của cháu Quách Thiên T: Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị K và anh T ly hôn, thì nguyện vọng của cháu muốn được tiếp tục chung sống với anh T, vì cha cháu quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và có điều kiện cho cháu học tập tốt hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Quách Long T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị K và anh T thống nhất xác định vào năm 2003 anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân. Theo nguyên đơn xác định từ khi chung sống đến nay không có đăng ký kết hôn. Anh T cho rằng có đăng ký kết hôn vào khoảng tháng 02, tháng 3 năm 2003 tại UBND xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau đúng theo quy định pháp luật nhưng chưa được cơ quan có thẩm cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Căn cứ đơn xin xác nhận của chị K đề ngày 08-6-2017 và tại văn bản ngày 21-4-2017, thể hiện: UBND xã Khánh Hưng và UBND xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời đều xác nhận qua tra cứu tàng thư kết hôn năm 2003 đến nay không thấy Nguyễn Thị K và Quách Long T trong bộ sổ lưu kết hôn. Tòa án cũng đã thông báo cho anh T cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như giấy chứng nhận kết hôn trong thời hạn 07 ngày nhưng anh T vẫn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Vì vậy, không có căn cứ xác định chị K và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh T thấy rằng: Tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nhưng trong quá trình chung sống đến khi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị K xác định chị và anh T đều làm công nhân tại Long An, thu nhập bình quân của chị mỗi tháng 4.500.000 đồng, thu nhập anh T là 5.500.000 đồng và cháu T học ổn định tại nơi làm việc của anh chị từ

lớp 2 đến nay. Nay nguyện vọng của con chung muốn tiếp tục chung sống với anh T nên chị K tôn trọng ý chí của con và thống nhất giao cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Xét thấy, sự tự nguyện của chị K không trái quy định pháp luật, phù hợp với yêu cầu nuôi con của anh T thể hiện tại Biên bản hòa giải ngày 22-5-2017, cũng như phù hợp với điều kiện sinh hoạt, học tập và đúng như nguyện vọng của cháu T nên được chấp nhận. Vì vậy, cần giao cháu Quách Thiên T cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh T và chị K không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết. Chị K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị K và anh T thống nhất xác định không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị K phải chịu 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu.

[6] Trong quá trình diễn ra phiên tòa, chị K có mặt nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng nên chị K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị K và anh Quách Long T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Quách Thiên T (nam), sinh ngày 19-9-2004 cho anh Quách Long T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2017 đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0006882 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Quách Long T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Minh Út